

PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG ĐẠO ĐỨC CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG ĐÔNG BẮC VIỆT NAM

Vũ Minh Tuyên, Ngô Thị Lan Anh*

Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Phật giáo các tỉnh miền núi Đông Bắc tuy không phát triển mạnh như ở đồng bằng, nhưng các triết lý từ bi, sống thiện, sống tốt, không làm điều ác, tin vào thuyết luân hồi, nghiệp báo đã giúp cho Phật giáo có chỗ đứng nhất định trong đời sống đạo đức các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc. Điều này được khẳng định qua hình ảnh ông "Bụt"/ "Pụt" trong quan niệm của dân tộc Tày, Nùng là hiện thân của Phật Thích Ca, luôn xuất hiện để che chở, bảo vệ con người trước cái xấu, cái ác, cái đáng lên án... Đây cũng chính là một trong những biểu hiện tính hỗn dung của Phật giáo với văn hóa tín ngưỡng của đồng bào dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc.

Từ khóa: *Vùng Đông Bắc, Phật giáo, tín ngưỡng, tôn giáo, đời sống đạo đức*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Phật giáo sau khi được truyền bá vào Việt Nam đã có sự du nhập và phát triển ở nhiều tỉnh thành trong cả nước. Đối với một số tỉnh miền núi Đông Bắc, Phật giáo có sự phát triển chậm hơn so với các tỉnh thuộc vùng đồng bằng. Theo tài liệu của các nhà nghiên cứu Phật học, Phật giáo tại các tỉnh miền núi Đông Bắc trong quá trình hình thành và phát triển đã có sự hỗn dung với tín ngưỡng dân gian - tín ngưỡng thờ thần của đồng bào các dân tộc nơi đây. Chính điều này, đã giúp cho Phật giáo trở thành tôn giáo được nhiều dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc đón nhận và coi nó như tôn giáo bản địa. Những giáo lý từ bi, cứu nạn cứu khổ, luôn hướng con người đến sống thiện, sống có trách nhiệm, xa rời cái ác, cái xấu... của Phật giáo rất gần gũi với tâm tư, tình cảm của những người dân vốn sống gắn bó nhiều với thiên nhiên, dựa nhiều vào thiên nhiên, và cũng chịu nhiều tai ương từ thiên nhiên. Đúng như nhà nghiên cứu Phật giáo, Nguyễn Lang từng khẳng định: "Đạo Phật thấm vào văn minh Giao Châu tự nhiên và dễ dàng như nước thấm vào lòng đất" [2, tr.52]. Đối với đồng bào dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc, Phật giáo có sức sống mãnh liệt và lâu bền có lẽ chính bởi sự đồng điệu của giáo lý nhà Phật với tập tục sống vốn rất giản dị,

không cầu kì của đồng bào đồng dân tộc thiểu số người nơi đây.

KHÁI QUÁT VỀ SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHẬT GIÁO VÙNG ĐÔNG BẮC VIỆT NAM

Vùng Đông Bắc Việt Nam cũng giống như các vùng địa lý khác của Việt Nam, là nơi có rất nhiều dân tộc cùng sinh sống với những nét văn hóa đặc thù trong đời sống sinh hoạt cộng đồng. Theo cách xác định của các nhà địa lý vùng Đông Bắc gồm địa phận các tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng, Quảng Ninh, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Hà Giang, Thái Nguyên, phía Đông của tỉnh Lào Cai, Yên Bái và phần đồi núi của tỉnh Phú Thọ, Bắc Giang. Còn các nhà văn hóa gọi vùng này là vùng Việt Bắc. Cư dân chủ yếu của vùng Đông Bắc là người Tày, Nùng, Dao, người Kinh và một bộ phận người H'Mông, ngoài ra còn nhiều dân tộc thiểu số khác cùng chung sống như người Mường, Thái, Cao Lan, Sán Chỉ...

Trong quá trình giao lưu tiếp biến văn hóa, cũng như sự thay đổi của hoàn cảnh lịch sử, nhiều giá trị văn hóa tôn giáo tín ngưỡng đã gặp gỡ và phát triển tại các vùng dân tộc thiểu số ở Đông Bắc Việt Nam, trong đó phải kể đến sự hiện diện rất sớm của Phật giáo. Nhiều chứng tích khảo cổ cho biết, Phật giáo đã có mặt và để lại dấu ấn khó phai tại đây từ thời nhà Trần, khi Chiêu Văn Vương Trần Nhật

* Tel: 0913 349907

Duật làm Trần thủ đạo Đà Giang (năm 1280), thuộc tỉnh Yên Bái ngày nay. Khi ấy, từ trường Trịnh Giác Mật đã cùng với tướng lĩnh nhà Trần quy tụ các dân tộc anh em chống giặc phương Bắc, bảo vệ cương thổ. Người dân ở quanh vùng đã tích cực tham gia vào cuộc kháng chiến chống giặc phương Bắc, rất nhiều cơ sở của Phật giáo cũng đã đóng góp không nhỏ vào thắng lợi của các địa phương này.

Cũng từ những chứng cứ khảo cổ, cho chúng ta thấy, để có những công trình Phật giáo có tầm cỡ, mang phong cách Chiêm - Việt, trong quá trình xây dựng, Trần Nhật Duật đã sử dụng các tù binh người Chiêm Thành làm nhân công. Đáng tiếc, sau khi nhà Trần sụp đổ, nhà Hồ không đủ sức chống chọi với giặc Minh, nên chẳng bao lâu đất nước lại rơi vào vòng đô hộ phương Bắc, di sản văn hóa bị tiêu hủy đến mức mười phần không còn lại một.

Đặc biệt với sự xuất hiện của phái Thiền Trúc Lâm Yên Tử, Quảng Ninh đã khẳng định vai trò cũng như sức ảnh hưởng của Phật giáo và các vị cao tăng đối với nền chính trị đất nước nói chung và đời sống chính trị vùng Đông Bắc nói riêng. Theo sử sách ghi lại vào đầu thế kỉ XIII, ba thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường dần nhập vào một. Do ảnh hưởng lớn lao của Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng sĩ, sự sát nhập của ba phái thiền này vào nhau đã đưa tới sự phát triển lớn của phái Yên Tử thành thiền phái Trúc lâm, tức là thiền phái duy nhất đời Trần. Có thể khẳng định: Thiền phái Trúc Lâm chính là Phật giáo đích thực của người Việt. Các nhà thiền sư dưới thời Trần có nhiều đóng góp cho việc triều chính, khuyên răn các bậc cao vương có trách nhiệm với xã tắc, với nhân dân.

Trong "Việt Nam Phật giáo sử luận", tác giả Nguyễn Lang có ghi chép lại: vào năm 1236, khi vua Thái Tông bỏ lên núi Yên Tử định đi tu, Trúc Lâm quốc sư hỏi vua muốn tìm gì trên núi. Vua nói chỉ muốn tìm thành Phật. Ông nói: "Trong núi vốn không có Phật, Phật ở trong tâm ta. Nếu tâm ta lắng lại và trí tuệ

xuất hiện thì đó chính là Phật. Nếu bề hạ giác ngộ được tâm ấy thì tức khắc thành Phật ngay tại chỗ, không phải cực nhọc bên ngoài" (bài tựa Thiền Tông Chỉ Nam). Khuyên Thái Tông trở về nhận nhiệm vụ trị dân, thiền sư nói: "Đã làm vua thì không còn có thể theo ý thích riêng mình được nữa. Phải lấy ý muốn của dân làm ý muốn của mình; phải lấy lòng dân làm lòng của mình. Nay dân muốn vua về, thì vua không về làm sao được?". Thiền sư buộc vua trở về bổn phận bằng một lý luận đanh thép. Nhưng ông vẫn an ủi: tuy vậy, vua vẫn có thể vừa làm nghề trị dân vừa tu học Phật pháp [2, tr.270]. Căn cứ vào những tài liệu ghi chép này cho thấy, vai trò cũng như sự ảnh hưởng của các thiền sư tới việc chính sự của quốc gia dân tộc, thể hiện trách nhiệm của bản thân những người tu đạo không chỉ hướng thiện mà còn hướng con người đến với chính nghĩa, đến với lợi ích của tuyệt đại đa số nhân dân.

Sau khi cuộc kháng chiến quân Minh thắng lợi, Lê Lợi cho phát triển Nho học, từ đó Phật giáo dần mai một trên mảnh đất này. Về sau, cuộc chiến Trịnh - Mạc xảy ra, nhà Mạc lánh nạn ở vùng núi giáp ranh phía Đông Bắc, nhờ đó ít nhiều Phật giáo cũng có phần ảnh hưởng. Song nhìn tổng thể thì Phật giáo bị đứt đoạn quá lâu trên mảnh đất này, vì nhiều nguyên nhân, đáng kể nhất vẫn là do tác động của chiến tranh loạn ly và ý thức hệ. Tuy nhiên vào thời kì nhà Mạc, Phật giáo có điều kiện phát triển ở nhiều tỉnh miền núi Đông Bắc, một số ngôi chùa được dựng mới trên đất các Châu thuộc trấn Bắc như các tỉnh Thái Nguyên, Cao Bằng, Hà Giang, Lạng Sơn.

Nửa đầu thế kỉ XX, Phật giáo Việt Nam lâm vào hoàn cảnh suy yếu, cho nên việc duy trì và phát triển Phật giáo trong cả nước đều gặp khó khăn, Phật giáo tại các tỉnh miền núi Đông Bắc lại càng khó khăn hơn. Người dân ở các vùng dân tộc thiểu số vốn quen với khái niệm các thầy Tào, thầy Mo, thầy cúng trong đời sống tín ngưỡng của họ nên hoạt động của các tăng ni trở nên lạ lẫm với họ, vì thế công

tác hoằng pháp của Phật giáo cho các tín đồ gặp không ít trở ngại.

Kể từ sau năm 1981 với sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam mặc dù Phật giáo đã chấn hưng trở lại, nhưng việc phát triển Phật giáo ở cộng đồng các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc nói riêng và các tỉnh miền núi phía Bắc nói chung gặp nhiều khó khăn, khi mà có quá nhiều tôn giáo cùng ảnh hưởng tới đời sống của người dân. Tuy nhiên, bản thân Phật giáo với các giáo lý từ bi, trí tuệ gần gũi với phong tục tập quán, tình cảm của đồng bào dân tộc, nên sức ảnh hưởng của Phật giáo đến nhân dân các tỉnh miền núi Đông Bắc như Thái Nguyên, Quảng Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang... vẫn rất lớn.

Trong thời kì đổi mới và hội nhập quốc tế, Phật giáo ở các tỉnh thành này đều nhận được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và đặc biệt là tình cảm mến mộ của nhân dân trong vùng đối với Đạo Phật, đã góp phần không nhỏ vào sự lớn mạnh của Phật giáo ở nước ta nói chung và của Phật giáo tại các tỉnh miền núi Đông Bắc nói riêng. Nhiều ngôi chùa đã được tôn tạo, tu bổ, sửa chữa, xây dựng mới tạo điều kiện thuận lợi cho công tác hoằng pháp, thực hành lễ Phật cho nhân dân trong vùng. Nhiều hoạt động thiện nguyện của nhà chùa nhận được sự hưởng ứng tham gia đóng góp về tiền của, vật chất, công sức của nhiều nhà hảo tâm trong và ngoài nước đã mang đến nhiều niềm vui cho những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, cho những cảnh đời bất hạnh, cho những vùng thiên tai, dịch họa... Đây chính là sự chung tay của Phật giáo với cộng đồng xã hội để xây dựng một xã hội "lợi lạc quần sinh", yên vui, tiến bộ và phát triển.

Qua nghiên cứu chúng tôi nhận thấy, mặc dù hoạt động của Phật giáo tại các tỉnh miền núi Đông Bắc chưa thật lớn mạnh và phát triển thuận lợi như ở các tỉnh đồng bằng nước ta. Song, Phật giáo với tính nhân văn, có nhiều nét trong triết lý của nhà Phật tương đồng với đời sống tín ngưỡng của đồng bào dân tộc

thiểu số và đặc biệt là với sự phấn đấu, cố gắng không ngừng của các cấp giáo hội Phật giáo Việt Nam trong việc "hoằng dương chính pháp" cho nên Phật giáo đã nhanh chóng hòa dung với tín ngưỡng tôn giáo bản địa và trở thành tôn giáo gần gũi, gần bó trong cộng đồng các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc. Được đồng bào dân tộc miền núi thừa nhận như một tôn giáo bản địa và tin tưởng, thực hành theo các giáo lý nhà Phật, tham gia tích cực vào nhiều hoạt động mang tính nhân văn, nhân đạo của các tổ chức Phật giáo tại địa phương.

PHẬT GIÁO TRONG ĐỜI SỐNG ĐẠO ĐỨC CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG ĐÔNG BẮC NƯỚC TA

Hơn hai mươi thế kỷ qua Phật giáo đã cùng chung sống với dân tộc ta. Triết lý nhân sinh của Phật giáo đã thấm thấu vào tinh thần dân tộc và có ảnh hưởng sâu sắc đến nhân sinh quan con người Việt Nam, góp phần đắc lực vào việc tạo nên nhân cách của nhiều người dân Việt Nam. Phật giáo đề cập rất nhiều đến thuyết nhân duyên, đến quan hệ nhân quả, nhìn sự vật từ kết quả để tìm nguyên nhân và từ kết quả này lại là nguyên nhân của kết quả khác trong mỗi liên hệ khác. Luân hồi nghiệp báo là giáo lý Phật giáo dựa trên luật nhân quả. Luật nhân quả của Phật giáo đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành phát triển nhân sinh quan và đạo đức trong nhân dân ta.

Trong đời sống đạo đức của nhiều người dân vùng Đông Bắc cũng chịu ảnh hưởng của đạo Phật, thể hiện thông qua ý thức đạo đức, hành vi đạo đức và thực hành đạo đức.

Theo khảo sát của chúng tôi, trong đời sống của các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc, tín ngưỡng dân gian qua "hình ảnh ông Bụt" không chỉ hình thành nên các quan niệm đạo đức, mà còn điều hành thực hiện những chuẩn mực đạo đức đó. Nếu các chuẩn mực đạo đức đòi hỏi mỗi công dân tự nguyện thực hiện và dư luận xã hội đóng vai trò khuyến khích hoặc trừng phạt đối với những vi phạm, thì tín ngưỡng dân gian qua "hình ảnh ông Bụt"

trong quan niệm của người dân tộc Tày, Nùng, Dao lại thực hiện sự trừng phạt mang tính thần bí. Sự vi phạm những răn dạy về đạo đức của đức tin sẽ bị trừng phạt bởi thánh thần, của luật đền bù nhân quả. Do đó, nỗi lo sợ bị đức tin trừng phạt có ý nghĩa to lớn trong việc điều chỉnh hành vi cá nhân, đòi hỏi ở họ phải có nghĩa vụ đạo đức. Nhờ thế con người sống với nhau tốt hơn, cuộc sống của cộng đồng cũng tốt đẹp hơn.

Đối với đồng bào Tày, Nùng ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên những người có cùng đức tin vào “hình ảnh ông Bụt” bao giờ cũng liên kết với nhau nhờ niềm tin chung vào lực lượng siêu nhiên đó. Trong cuộc sống thường nhật, sự liên kết giữa những con người nhờ tín ngưỡng dân gian qua “hình ảnh ông Bụt” cũng có ý nghĩa tích cực nhất định. Nó tạo nên sức mạnh giúp con người vượt qua những khó khăn to lớn mà họ gặp phải (ốm đau, bệnh tật, tai nạn). Song, nó cũng có thể gây ra những hậu quả khôn lường khi tín ngưỡng đó phát triển “quá đà”, chuyển thành mê tín dị đoan. Do đó, cần phải có những biện pháp phù hợp để loại bỏ những yếu tố lạc hậu, bảo thủ đó. Ngoài ra, niềm tin vào “hình ảnh ông Bụt” cũng phần nào giúp cho họ vượt qua được những bức xúc, những bế tắc tinh thần nào đó; nhưng nó cũng có thể làm cho họ rơi vào trạng thái hoàn toàn thụ động, phó mặc cho “số phận”, dẫn đến hành động vô nghĩa.

Về đời sống tâm linh, tín ngưỡng dân gian qua “hình ảnh ông Bụt” đi vào đời sống bình dị, thường nhật của con người, ai cũng có lúc vấp phải. Dù khoa học kỹ thuật phát triển, dù xã hội ngày càng văn minh nhưng vấn đề tai ương, bệnh tật, rủi ro... trong cuộc sống luôn thường trực bên cạnh cuộc đời mỗi người. Khát vọng rời xa những bất hạnh đó luôn đặt ra, bởi vậy với nhiều dân tộc ở vùng Đông Bắc nước ta, họ vẫn tin và vẫn có nhu cầu đặt lòng tin, cầu mong sự che chở, cứu giúp của “ông Bụt”.

Những quan niệm ở hiền gặp lành, gieo gió phải gặp bão, nhân nào quả đấy, cha mẹ hiền

lành để đức cho con, bản chất từ bi hỷ xả trong triết lý nhân sinh Phật giáo thấm sâu vào đời sống tinh thần dân tộc hướng mọi tầng lớp nhân dân vào con đường thiện nghiệp tu dưỡng đạo đức vì dân vì nước. Có tác giả đã nhận xét: Cái sống đời đời trong đạo đức Phật giáo là từ bi và cứu khổ cứu nạn. Nó vượt thời gian, không gian, bởi vì nó nhằm bảo vệ, phát huy, duy trì nhân bản “làm điều lành”, “hướng về điều lành” hoặc ít nhất “đừng làm ác”, “đừng hướng về cái ác”.

Luật nhân quả theo Phật giáo đề cập đến dòng biến động, sinh diệt nối tiếp nhau, đã chỉ cho các tín đồ điều kiện để đạt đến đỉnh cao của trí tuệ, thì người tu hành phải có đức độ, lòng từ bi mà không ỷ lại hay tự ty với chính mình. Tư tưởng này là nguồn động lực thúc đẩy con người hành động, vững tin vào cuộc sống. Luật nhân quả còn khẳng định khi chúng ta gieo nhân tức là đã gây nghiệp, gây nghiệp lành được quả lành, gây nghiệp dữ bị quả dữ. Vì vậy đã hướng con người vào việc thiện, xa lánh điều ác. Nếu chúng ta gạt bỏ yếu tố thần bí về kiếp người trong luật nhân quả, sẽ thấy được tinh thần nhân bản trong việc giáo dục con người sống lành mạnh, làm việc tốt, từ đó góp phần vào việc xây dựng xã hội yên lành và có nhân tính hơn. Ngoài ý nghĩa tích cực trong việc giáo dục và xây dựng một gia đình tốt, một xã hội yên bình, Phật giáo nhấn mạnh sự nỗ lực là yếu tố quyết định của mỗi con người trong quá trình tu tập đi đến giác ngộ. Giáo lý nhân quả của Phật giáo không ra lệnh cũng không trừng phạt, mà đưa con người về vị trí thực sự của họ, không tách khỏi ý thức trách nhiệm vai trò vị trí của mình trong gia đình và xã hội, không ngừng tự giáo dục theo các chuẩn mực đạo đức, đạt đến sự hoàn thiện của bản thân.

Triết lý về luật nhân quả của Phật giáo còn góp phần trong việc phòng ngừa ý định, hành vi phạm pháp luật của con người khi còn chưa bộc lộ. Con người, trước nguy cơ trở thành tội phạm, thì lương tâm thường hay cắn rứt, dày vò. Trong suy nghĩ ban đầu của họ luôn có sự đắn đo, đấu tranh tư tưởng... Do đó, nếu như

họ sợ bị quả báo trừng phạt, quả báo có thể ứng ngay với bản thân mình thậm chí còn chịu hậu quả lâu dài về sau (đời cha ăn mặn đời con khát nước), thì họ sẽ ăn năn hối cải, từ đó có hành động tích cực để chuộc lỗi lầm hối cải.

Phật dạy chỉ có chính ta mới là chủ nhân thực sự cuộc sống của ta, nên ta phải gắng sức rèn luyện để trở thành người tốt, mà không trông chờ ở một thế lực siêu tự nhiên nào ngoài bản thân mình. Đức Phật dạy rằng: Hãy tự mình là ngọn đèn soi sáng cho mình, hãy tự tạo cho mình một chỗ nương tựa và đừng nương tựa vào ai khác ngoài bản thân mình.

Truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của đạo đức Phật giáo. Dân tộc Việt Nam từ khi được hình thành đến nay đã trải qua bao thăng trầm lịch sử, những thuận lợi cũng như khó khăn thử thách đã hun đúc làm nên tinh thần dân tộc bền vững. Trong đó tiêu biểu nhất là lòng yêu nước nồng nàn, là cốt lõi của nhân phẩm. Phật giáo vừa là một hệ thống triết học tôn giáo, vừa là một học thuyết có giá trị đạo đức rất cao, mà mục đích duy nhất của nó là cứu khổ độ sinh. Theo Đức Phật, một đời sống hạnh phúc là một đời sống có đạo đức. Ngay từ khi được du nhập vào nước ta, Phật giáo đã tham gia vào nền đạo đức dân tộc một cách hòa bình, thâm thấu vào truyền thống yêu nước trong suốt chiều dài lịch sử truyền thống dân tộc. Đạo đức Phật giáo thâm nhập vào đạo đức dân tộc theo truyền thống vì nghĩa, vì nước. Điều này có thể coi là sự hóa thân của Phật giáo vào truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam nói chung và đời sống đạo đức của các dân tộc thiểu số nói riêng.

Nhân sinh quan Phật giáo nói chung và đạo đức Phật giáo bao gồm nhiều khía cạnh. Trong quá trình ảnh hưởng tới đời sống đạo đức của các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc có cả mặt tích cực và hạn chế nhất định.

Trước hết, nó góp phần củng cố đạo đức xã hội, tôn vinh những giá trị văn hóa dân tộc, khơi dậy tinh thần đoàn kết tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách góp phần tạo nên nhân

cách con người Việt Nam nói chung và tính cố kết cộng đồng trong tộc người của đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng.

Những tư tưởng từ bi bác ái của Phật giáo cũng đã góp phần xây dựng đời sống đạo đức tốt đẹp trong cộng đồng các dân tộc thiểu số như lòng yêu thương con người, sự đoàn kết gắn bó giữa các tộc người với nhau, giữa bản thân chính người trong các tộc người đó. "Một miếng khi đói bằng một gói khi no", hay "một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ"... Cũng chính vì từ việc lấy con người, cứu con người làm xuất phát điểm, con người là vốn quý đã tạo nên sức mạnh cộng đồng mà lâu nay đã được đúc kết trong dân gian, bản thân Phật giáo cũng thừa nhận điều này trong quan niệm "dù xây chín bậc phù đồ, không bằng làm phúc cứu cho một người", hay "cứu người phúc đặng hà sa", cứu được người sẽ có được phúc đức nhiều như cát phù sa trên sông. Cho nên, từ xa xưa người dân Việt đã có tục lệ bố thí, làm từ thiện để mong mang lại được nhiều điều lành đến với mọi người, mọi nhà và cũng là mang phúc đến cho mình và cho con cháu.

Ngày nay, các chùa, các phật tử và đồng bào nhân dân nước ta cũng tham gia tích cực vào các công việc thiện nguyện, chung tay, chung sức vì cộng đồng, điều này đã làm lay động tới hàng triệu trái tim của nhân dân, đồng bào cả nước trong đó có cả những cộng đồng dân tộc thiểu số. Điều này cũng phù hợp với quan niệm của Phật giáo: thứ nhất là tu tại gia, thứ hai tu chợ, thứ ba tu chùa". Phật giáo cũng giống với quan niệm đạo đức của dân tộc Việt trong việc đề cao sự hiếu kính với cha mẹ, sự đối đãi đúng mực, hết lòng với bạn bè, sự kính trên nhường dưới với bậc anh chị, cha chú, bậc đàn em. Nếu không thực hiện được những quy định về chuẩn mực đạo đức thể hiện trong các mối quan hệ này, thì sẽ không thể tu Phật được. Nên theo quan niệm dân gian, không cần nhất thiết cứ phải tu Phật trên chùa mà tu ở chính lòng mình, tâm mình. "Núi vốn không có Phật, Phật trong tâm mỗi người". Cho nên, nhà Phật hướng con người

tới xây dựng một đời sống đạo đức và điều này phù hợp với triết lý sống của người Việt Nam. Mặc dù có rất nhiều tôn giáo cùng tác động đến tư duy, nếp nghĩ, cách sống của đồng bào dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc nước ta, những tư tưởng đạo đức của Phật giáo đã như mạch nước ngầm ngấm vào trong từng tộc người, trong từng cách biểu hiện ra ở hành vi ứng xử giữa các tộc người với nhau để cùng nhau chống lại thiên nhiên khắc nghiệt, chống lại các thế lực thù địch phá hoại sự yên vui của bản làng, để cùng chung tay xây dựng một đời sống tốt đẹp hơn...

Trong thực tế, Phật giáo tuy không có thuyết lý riêng rẽ về đạo đức mà lồng trong các lời răn dạy của Đức Phật đối với các Tỳ kheo, nhưng mục đích mà Phật giáo hướng tới là chỉ ra cho con người nhận biết các nguyên nhân của nỗi khổ và con đường giải thoát cứu khổ. Tuy trong dân gian không phải ai cũng hiểu được hết ý nghĩa sâu xa về ái, ô, hi, nộ, từ bi hỷ xả, nhưng cứ hễ nghe nhắc đến những từ này là người ta hình dung đến sự hiền hòa, phúc đức. Có lẽ cũng chính bởi điều này mà đạo đức của Phật giáo dễ dàng thấm sâu trong lòng người dân Việt Nam nói chung và cộng đồng các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc nói riêng.

Tuy nhiên, sẽ là không đầy đủ nếu như chỉ nhấn mạnh những ảnh hưởng tích cực của đạo đức Phật giáo, mà không thấy ảnh hưởng tiêu cực của nó đối với đời sống tinh thần nói chung và đạo đức xã hội.

Thuyết nhân quả của Phật giáo để cho người đời hiểu sai tạo cho mọi người tính nhẫn nhục, cam chịu bằng lòng với số phận của mình ở cuộc sống trần gian. Như vậy, vô hình chung đã tạo điều kiện thuận lợi để giai cấp thống trị lợi dụng ru ngủ nhân dân, loại bỏ ý thức vươn lên đấu tranh của họ, dẫn đến sự cai trị của chúng dễ dàng hơn. Thời kì nhà Mạc, nhà Lý - Trần, các tù trưởng, tri Châu phủ cũng đã lợi dụng sự cam chịu của nhân dân lao động, đặc biệt trình độ dân trí thấp của đồng bào dân tộc thiểu số trong vùng bấy giờ để đề ra các luật lệ cai trị.

Phật giáo cũng đưa đến sự yếm thế của người dân trước thế lực thống trị, họ chỉ biết dựa vào lời thỉnh cầu hướng tới các vị thần thánh, Đức Phật về mặt tinh thần, còn trong thực tiễn đời sống họ còn dè dặt, chưa dám phản kháng bằng hành động đấu tranh để đòi các quyền lợi về kinh tế - chính trị. Chính vì thế, mà đồng bào dân tộc tin nhiều vào số mệnh, xuất hiện nhiều các nghi lễ cầu xin sự ban ơn, che chở từ các vị thần. Họ trở nên lệ thuộc vào tín ngưỡng, tôn giáo.

Giống như nếp nghĩ của nhiều người dân Việt Nam, hiện nay tại các địa phương mà chúng tôi khảo sát khi tìm hiểu về Phật giáo trong đời sống đạo đức của cộng đồng các dân tộc thiểu số vùng miền núi Đông Bắc, người dân nơi đây cũng có nhiều quan niệm cần phải có bóng dáng của Đức Phật dang tay che chở, đem điều lành, điều tốt tới cho công việc của mình, cho nên xu hướng mời các nhà sư tới cúng lễ ngày một nhiều. Chính sự sùng tín này đã làm thoái hoá một bộ phận các thầy tu, biến từ thầy tu phát tâm chân chính lâu dần thành thầy tụng, thầy cúng. “Tu sĩ Phật giáo mà chỉ lấy tụng cúng cầu nguyện làm Phật sự, là vô tình đã đưa Phật giáo lên lơ lửng hư không và tạo cho Phật giáo dáng vẻ mờ mờ ảo ảo, không thể giải thích được” [5, tr.73].

Các hình thức như cúng sao, giải hạn, tục đốt vàng mã, xin xăm, bói quẻ, xem giờ, xem ngày... đang bị lợi dụng rất nhiều trong các chùa không chỉ có chùa ở đồng bằng, mà ngay tại một số ngôi chùa ở các tỉnh miền núi Đông Bắc cũng xuất hiện tượng dù không phổ biến, nhưng cũng làm ảnh hưởng xấu tới đời sống đạo đức của nhân dân địa phương. Nó không còn chỉ đơn thuần xuất phát từ lòng thành, từ cái “Tâm” của mỗi người. Nó đã mang trong đó tính vụ lợi, mưu cầu lợi ích cá nhân bằng cách tầm thường hóa các nghi lễ Phật giáo. Nhiều phật tử đã bị mê hoặc bởi lợi ích vật chất và bỏ quên chức trách của mình, sa vào “Vọng Tâm” đánh mất “Chân Tâm”, gây ảnh hưởng xấu tới hình ảnh Phật giáo Việt Nam hiện nay nói chung và Phật giáo tại các địa phương vùng Đông Bắc nói riêng.

Ngày nay, tục đốt vàng mã bị coi là một hủ tục mang tính mê tín dị đoan và vô lý, người phật tử chân chính sẽ không chấp nhận điều này. Bởi theo Phật, chúng sinh tùy nghiệp thiện, ác theo đó mà thác sinh cõi lành, cõi dữ. Người chết cũng theo nghiệp thiện ác mà thọ sinh vào sáu cõi chứ không chờ đốt vàng mã để đi qua cửa âm phủ như người sống nghĩ.

Theo Phật giáo, có nhiều cách thể hiện tình cảm với người mất như trước lúc người thân mất đi, thân quyến thực hiện phát tâm bố thí, phát sinh, cúng dường, làm nhiều điều thiện để người chết được thọ sinh vào cảnh giới an lành. Ngay chuyện xem giờ, xem ngày theo Phật giáo đó cũng là hình thức mê tín. Thông thường, người dân thường tránh các ngày 05, 14, 23. Nhưng theo Phật giáo chỉ cần chúng ta luôn làm điều thiện thì ngày nào, tháng nào cũng đều tốt cả... giáo lý nhân quả của Phật giáo là cơ sở giúp con người đứng vững hơn trong cuộc sống.

KẾT LUẬN

Trong số các tôn giáo ảnh hưởng tới đời sống các dân tộc vùng Đông Bắc Việt Nam, Phật giáo là tôn giáo có sự ảnh hưởng nhiều hơn cả. Chính những giáo lý từ bi, hỷ, xả, hướng con người tới cái thiện, xa rời cái ác, sống nhân văn, đạo đức đã làm cho Phật giáo trở nên có sức hấp dẫn lớn đối với các dân tộc vùng Đông Bắc. Hình ảnh ông Bụt, ông Pụt, Pụt Luông, Dàng... đã đi vào đời sống các

SUMMARY

BUDDHISM IN THE RELIGIOUS LIFE OF ETHNIC MINORITY AT DUCCAC NORTHEAST VIETNAM

dân tộc thiểu số. Do những yếu tố lịch sử và địa lý quy định, hình ảnh Phật Thích Ca ở Ấn Độ khi vào Việt Nam hòa nhập với tín ngưỡng dân gian bản địa đã có sự chuyển hóa thành "ông Bụt" "ông Dàng". "Hình ảnh ông Bụt" trở nên quen thuộc đối với người dân các tỉnh vùng núi Đông Bắc đặc biệt là ở các dân tộc Tày, Nùng, Dao... Họ coi Bụt như là đáng sáng thế, là nơi gửi gắm niềm tin, ước vọng của con người, cũng như là điểm tựa tinh thần mỗi khi họ gặp khó khăn, mất mát, bế tắc trong cuộc sống. Điều này cho thấy sự tiếp biến văn hóa của Phật giáo trong đời sống các dân tộc nơi đây. Chính bởi lẽ đó mà các dân tộc thiểu số vùng Đông Bắc đã thừa nhận Phật giáo như một tôn giáo bản địa, hơn thế nữa Phật giáo còn tạo ra sức mạnh đề kháng với các tôn giáo khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Thị Lan Anh (2014), Chữ Tâm nhà Phật và ảnh hưởng của "Tâm" đối với đời sống đạo đức ở Việt Nam hiện nay, Nxb Chính trị Quốc gia.
2. Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 1, Nxb Văn học, Hà Nội.
3. Nguyễn Hùng Hậu (1996), *Góp phần tìm hiểu tư tưởng triết học Phật giáo Trần Thái Tông*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Hùng Hậu (2004), *Triết lý trong văn hóa Phương Đông*, Nxb Đại học Sư Phạm, Hà Nội.
5. Thích Thanh Từ (1997), *Ba vấn đề trọng đại trong đời tu của tôi*, Nxb. Hà Nội.

Vu Minh Tuyên, Ngo Thi Lan Anh*

University of Education - TNU

The Buddhists in the mountainous northeastern provinces, though there was no significant development in the Delta, but the Buddhism philosophy of compassion, good life, live well, do not evil, believe in reincarnation, and have karma helped them to live a moral life of ethnic minorities in the Northeast. This was confirmed by his image "Bụt"/"Pụt" in the conception of the Tay, Nung who is the embodiment of Buddha, always appear to protect people before the bad, evil, and something much condemned... This is one of the manifestations of Buddhism amalgams properties with cultural beliefs of ethnic minorities Northeast.

Key word: *Northeast, Buddhism, beliefs, religion, ethical life*

Ngày nhận bài: 04/9/2016; **Ngày phản biện:** 29/9/2016; **Ngày duyệt đăng:** 31/03/2017

* Tel: 0913 349907